Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5103.30.00

Mã HS	5103.30.00
Mô tả hàng hóa	Phế liệu lông cừu hoặc lông động vật loại mịn hoặc loại thô, kể cả phế liệu sợi nhưng trừ lông tái chế / - Phế liệu từ lông động vật loại thô
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 13:32:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/51033000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7991
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7991
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7991
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7576
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7529
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7529
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7529
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7529
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7529
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7529
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7579
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7579

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7579
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7579
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7579
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7579
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7580
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7580
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7580
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7580
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7580
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7580
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7581
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7535
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7543
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7543
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7543
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7543
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7543
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7543
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7565
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7565
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7565
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7565
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7565
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7565
VCFTA	2022	2022	2	VC!D7611
VCFTA	2023	2023	1	VC!E7611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7611
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7611
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7611
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7611
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7591
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7591
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7591
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7591
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7591
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7591
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7604
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7604
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7604
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7604
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7604
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7604
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7608
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7608
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7608
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7608
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7608
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7608
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7609
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7609
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7609
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7609

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7609
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7609
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	3,3	CPTPP!D7559
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	1,6	CPTPP!E7559
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7559
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7559
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7559
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7559
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7559
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7596
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7596
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7596
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7596
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7596
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7596
RCEP B	2022	2022	0	B!D7596
RCEP B	2023	2023	0	B!E7596
RCEP B	2024	2024	0	B!F7596
RCEP B	2025	2025	0	B!G7596
RCEP B	2026	2026	0	B!H7596
RCEP B	2027	2027	0	B!I7596
RCEP C	2022	2022	0	C!D7596
RCEP C	2023	2023	0	C!E7596
RCEP C	2024	2024	0	C!F7596
RCEP C	2025	2025	0	C!G7596
RCEP C	2026	2026	0	C!H7596

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7596
RCEP D	2022	2022	0	D!D7596
RCEP D	2023	2023	0	D!E7596
RCEP D	2024	2024	0	D!F7596
RCEP D	2025	2025	0	D!G7596
RCEP D	2026	2026	0	D!H7596
RCEP D	2027	2027	0	D!I7596
RCEP E	2022	2022	0	E!D7599
RCEP E	2023	2023	0	E!E7599
RCEP E	2024	2024	0	E!F7599
RCEP E	2025	2025	0	E!G7599
RCEP E	2026	2026	0	E!H7599
RCEP E	2027	2027	0	E!I7599
RCEP F	2022	2022	0	F!D7596
RCEP F	2023	2023	0	F!E7596
RCEP F	2024	2024	0	F!F7596
RCEP F	2025	2025	0	F!G7596
RCEP F	2026	2026	0	F!H7596
RCEP F	2027	2027	0	F!I7596
VIFTA	2024	2024	9	VI!F7018
VIFTA	2025	2025	8	VI!G7018
VIFTA	2026	2026	7	VI!H7018
VIFTA	2027	2027	6	VI!I7018

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5103.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 5103.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7991), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.